

PHẨM TUỆ

Tiếng Phạm là Bát-nhã, Hán dịch, là Tuệ, phải biết là Độ thứ sáu. Tiếng Phạm nói Nhã Na, Hán dịch là Trí là Độ thứ mười. Trước, nói về phẩm định, vì tâm chuyên chú được soi sáng, nên kể là, nói về Tuệ. Trong đây, vì nói rộng, nên nói là phẩm Tuệ.

Trong giải thích tự tánh, Cảnh, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói “chủ thể ngộ nhập tất cả sở tri, là trí vô phân biệt, và đã ngộ nhập tất cả sở tri phân biệt, các pháp v.v... là trí Hậu Đắc.”

Pháp sư Thái nói “Tự tánh Tuệ có hai công dụng:

1) Ngộ nhập tất cả cảnh sở tri.

2) Ngộ nhập xong, trong cảnh sở tri, lại phân biệt nữa, “duyên” khắp tất cả năm Minh xứ để chọn lựa.

Luận sư Trắc nói “Trong đây, 1) Nói “duyên” Chân tuệ. 2) “Duyên khắp...” trở xuống, là nói “duyên” Tục tuệ. Y theo trên, lẽ ra hữu lậu sinh ra tánh Tuệ, vì lược qua không nói, cũng có thể vì lợi sinh mà tùy duyên, nên càng không có tánh riêng.

Nói “Ngộ nhập tất cả sở tri, nghĩa là gia hạnh chính chứng hai trí.”

“Và, đã ngộ nhập...” trở xuống, nói về trí Hậu Đắc “duyên” lý. Hoặc có thể trước là gia hạnh; sau là chánh chứng. trí Hậu Đắc là ngộ nhập tất cả sở tri, phân biệt các pháp, nghĩa là phân biệt lựa chọn tánh viên thành thật của tất cả pháp, chẳng phải cho rằng phân biệt, tánh Y tha khởi, mà gọi là phân biệt.

“Khắp tất cả...” trở xuống, nói về trí “duyên” tục, như phẩm Lực Chứng Tánh ở trước đã nói.

Trong nhất thiết Tuệ nói “Tánh Vô ngã đối với lý ngôn thuyết pháp, đây là nêu cảnh của Chân trí. Hoặc muốn giác ngộ về Chân đế, tức trí gia hạnh.”

Chánh giác ngộ: là sự giác ngộ của trí chánh thể.

Tất cả trí tuệ mẫu nhiệm là trí Hậu Đắc, rất vắng lặng, hiểu rõ ràng sáng suốt.

“Biết rõ ở trước không có phân biệt v.v...” trở xuống, là nói về hành tướng của ba tuệ trước.

Nhập tướng của Đại đức, nghĩa là Chân như là tướng chung. Lại, hai “Vô ngã” là chung. Pháp sư Cơ hỏi “Vì sao ở đây nói trí gia hạnh hữu lậu?”

- Nghĩa là “Ở trước nói về thế gian, ra đời gian có ba thứ, nên

trong đây lui sụt trí gia hạnh hữu lậu.”

Kế là trong Tuệ, Pháp sư Cơ nói “Nếu hành tướng Chân như chỉ có trí Hậu Đắc Vô lậu. Nếu nói chung, thì về chủng loại hữu lậu, trí Hậu Đắc cũng có. Nếu y cứ ở tánh mà nói thì như nói Vô phân biệt của nghĩa ba môn giải thoát cũng có. Nay, lấy lui sụt hữu lậu, vô lậu là tốt. Như cái khó của trí gia hạnh ở trước.

Giải thích “Nói tám Xứ, nghĩa là năm Minh xứ là năm; pháp của ba tánh là ba. Phẩm Tuệ này, thượng hạ đều lấy ba trí gia hạnh v.v... để phối hợp, nhiếp thu.”

Tuệ Khó thực hành có ba, đó là:

1) Nói về chứng lý rất sâu, để nói về cái khó.

2) Rất dễ hiểu phương tiện điều phục, giáo hóa hữu tình, để nói về sự khó khăn.

3) Y cứ ở cảnh trí vô ngại để nói về cái khó.

Tất cả môn Tuệ có bốn:

1) Tuệ do văn thành.

2) Tuệ do Tư thành.

3) Nên làm thì làm; không nên làm thì Tư Tuệ. Luận sư Trắc nói “Đây là đã thành Tu tuệ hữu lậu.”

4) Nói do tu mà sinh tu tuệ Vô lậu.

Tuệ của bậc Thiện Sĩ có năm. Luận sư Cảnh nói “Ba thứ trước tức là ba tuệ; thứ tư, tức pháp, nên biết, nghĩa là trí biết nhân, quả. Thứ năm, tuệ xả phiền não, tức Tuệ chứng lý.”

Pháp sư Thái nói “Thứ tư, nghĩa là tự tánh các pháp, gọi là pháp trụ của các pháp. Sự sai khác của các pháp gọi là pháp an trụ.”

Trong tự tánh sai khác của các pháp, không có tuệ diên đảo. Pháp sư Khuy Cơ nói “Pháp, nghĩa là pháp quả, vì pháp quả trụ ở trong pháp nhân, nên nói là pháp trụ.”

Luận sư Trắc thuật lại hai giải thích:

1) “Trí nhân trong biết mười hai duyên sinh.”

2) “Pháp có hai thứ:

a) Có một pháp, nghĩa là tất cả năm trần v.v... có, không v.v... các tư tưởng đều trụ ở vị của chúng.

b) Có thể có sai khác trên pháp, nghĩa là về nghĩa sai khác của thường, vô thường v.v... có thể thấy, không thể thấy v.v... trên sắc v.v...

Nói “Pháp trụ đối với các pháp, nghĩa là “duyên” pháp hữu. An lập, nghĩa là “duyên” trí pháp.

Lại, có môn khác lạ v.v... Luận sư Cảnh nói “1) Xứ như tất cả. 2) Biệt tận tất cả. Luận giải thích hai câu này có hai:

1) Như Luận Đối Pháp nêu chung pháp của sự pháp Thế đế đều cùng tận, gọi là Tánh Tận tất cả, tức pháp của sự kia có nhiều môn nghĩa: các thứ nghĩa môn hữu lậu, vô lậu, hữu đối, vô đối, gọi là như tánh sở hữu.

2) Chân như này tức gồm thâu các pháp, như tận, gọi là tánh Tận sở hữu:

1) Tuệ vi tế ngộ nhập sở tri, tánh tận sở hữu, vì “duyên” theo lý.

2) Tuệ đủ khắp, ngộ nhập sở tri, tánh tận sở hữu, vì “duyên” sự, có thể đều nói rằng, Chân như và Bốn đế, mười sáu đế v.v... nghĩa là tánh như sở hữu “duyên” tất cả pháp, sự sinh ra uẩn, giới, xứ v.v... gọi là Tánh Tận sở hữu. Ở đây, như Đối Pháp và Du-già thượng, hạ, phần lớn có văn này.

3) Tuệ Câu sinh v.v... Tự tánh niệm sinh trí, vì Bồ-tát được, nên chẳng phải chỗ sinh được trí, các đường khác được.

4) Cụ giáo tuệ, tức là Văn tuệ.

5) Cụ chứng tuệ, tức là Tu tuệ.

Luận sư Trắc nói “Năm thứ trước là phân biệt chứng pháp của Văn, tư và tu. Năm thứ sau là cảnh, vì nhân cụ giáo trụ, nên phân biệt Địa. Hai thứ đầu trong năm thứ sau là cảnh; một Tuệ vi tế ngộ nhập sở tri, vì tánh như sở hữu v.v... Theo Tam Tạng Chân Đế nói “Như lý trí, gọi là tánh như sở hữu. Như lượng trí, gọi là tánh Tận sở hữu.”

Nay, giải thích “Đều có cả hai trí. Nói tánh như sở hữu, nghĩa là xứng pháp mà biết được tự tánh các pháp.”

Tánh tận sở hữu, nghĩa là đối với lý và sự, phân tích, đo lường cùng tận, biết được sự khác nhau của các pháp này.

Hai thứ như thế, đều có ba trường hợp:

1) Chỉ “duyên” ở “lý” mà có hai thứ.

2) Chỉ “duyên” về “sự”, cũng có hai thứ.

3) Lý, sự đều “duyên”, cũng có hai thứ.

Nếu theo văn dưới, chỉ y cứ riêng “duyên” lý, để chia làm hai thứ.

Nói Câu sinh tuệ, tức trí v.v... nghĩa là do sức trí mà đời trước thường tập, nên trong thân hiện tại, trí nhậm vận sinh, gọi là Câu sinh Tuệ.

Cụ giáo tuệ v.v... là trí có khả năng lãnh thọ, lắng nghe ý nghĩa, nên gọi là giáo tuệ. Cụ chứng tuệ: Đầu tiên, Sơ địa trở lên đã có trí tuệ,

như văn. Sáu thứ, bảy thứ trong Tuệ Nhất thiết chủng; bốn Đế trong sáu y cứ ở Địa học; Tận vô sinh ở Vô học. Có các thứ nghĩa của Loại trí, Pháp trí của bảy môn.

Du-già nói là “duyên” danh, pháp của cõi dưới, danh loại của cõi trên.

Luận Thành Thật nói là “duyên” danh, pháp trong hiện tại’ “duyên” quá khứ, vị lai, gọi là Loại. Đối Pháp nói “duyên” lý, gọi là Pháp trí. “Duyên” trí “Năng duyên”, gọi là Loại. “Duyên” tự loại này, gọi là Loại. Như Đối Pháp nói chín tâm trong Kiến đạo. Hoặc pháp của niệm đầu, niệm sau trở đi, đồng “duyên” gia cảnh của niệm đầu, gọi là Loại. Như Luận Đối Pháp nói ba tâm trong Kiến đạo. Hai tâm trước là Pháp; tâm thứ ba là Loại.

Trí thế tục, tức là Đẳng trí; trí thần thông, tức Tận trí, nói là: “Sự sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập. Tướng đầu tiên của Vô học, gọi là Trí tướng. Hạnh trí trước của mười Lực, tức là trí Vô sinh.”

Có trí Vô sinh, nghĩa là căn tánh rất nhạy bén, có thể được mười Lực, gọi là trí hạnh trước của mười Lực.

Lý trí của chánh đạo trong bốn đạo lý, tức trí của bốn Đế, Chánh biến trí trong trí bốn Đế.

Pháp sư Thái nói “Biết được tướng các pháp, gọi là Trí tướng. Trí tiền phương tiện của mười lực gọi là gia hạnh trước của mười Lực.”

Xưa Pháp sư Viễn nói “Ba thứ trước như trên. Trí thần thông, nghĩa là trí sáu thần thông. Trí tướng, nghĩa là tướng của pháp trí. Phương tiện của mười lực. Là nhân của mười lực cũng có thể vì công dụng khéo, nên gọi là sự phương tiện.”

Cụ túc trí là bốn trí Vô úy. Cựu luận chép: “Cụ túc sự.” Nay, nói là lý trí của bốn Đạo.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Sáu thứ như văn, vì sao không nói là trí khác? Ở đây vì lấy sáu môn làm pháp, nên, nếu lấy trí khác, thì tức là số tăng, cho nên, không nói.

Lại, về môn nhân, quả, bốn trí trong nhân vì gồm thân trí khắp; hai trí trong quả vì gồm thân trí khắp. Lại, vì phần vị nhân y cứ ở Đế, nên chỉ có bốn trí hạnh; phần vị quả vì luận chung, nên y cứ ở hai trí, gồm thân các Tận trí. Bảy chủng trí trước được nói rõ là nhận lấy.

Trí tướng tức trí tận. Trí hạnh trước của mười Lực, tức trí Vô sinh.

“Nếu vậy thì vì sao ở đây lại không nhận lấy trí của bốn Đế trước?”

Có người nói “Trí tướng, nghĩa là trí “duyên” ba mươi hai tướng. Trí hạnh trước của mười Lực, tức trí phương tiện khi định khởi mười lực.”

Nay, giải thích “Nếu y theo sự thật, thì hai trí Pháp, Loại, tức trí bốn Đế. Nay, lấy mỗi tướng của mười trí để nói thì chẳng phải là trí của mười Lực đồng với giải thích trước.”

Trong Tuệ lạc của hai đời có chín: Tuệ của năm môn Xứ là năm, tức dựa vào năm tuệ này, đối với sự ngu si, buông lung, yếu kém của người mà siêng tu chánh hạnh bốn thứ sau, như thứ lớp đó, đối với người ngu, thì thị hiện; đối với kẻ buông lung thì giáo hóa, dẫn dắt; đối với người yếu hèn, thì khen ngợi, khích lệ, đối với người siêng năng tu hành, thì chúc mừng an ủi.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Một thứ nội minh là Tuệ Bồ-tát đã vận hành, đã chứng, đã làm là khéo an trụ. Bốn Minh còn lại thì không như vậy, nên chẳng phải đối tượng an trụ (chỗ an trụ).”

Luận sư Trắc nói “Năm thứ đầu, nói về biết sự khác nhau của các pháp; bốn thứ sau, nói về điểm sai khác giữa giáo hóa và lợi ích. Bốn thứ sau, vì hóa độ bốn hữu tình như ngu si v.v... như thứ lớp, thị hiện, giáo hóa, dẫn dắt, khen ngợi, khích lệ, vui mừng, an ủi, tức là thị, giáo, lợi, Hỷ đã nói trong kinh khác.”

Lại, như phẩm Giới nói “Hữu tình đã được giáo hóa, có bốn hạng khác nhau:

1) Đối với người thiện không có đức, thì thuận theo chuyển biến tâm, tức thích hợp với sự khen ngợi, tưởng lệ hữu tình yếu hèn trong đây.

2) Đối với người thiện có đức, thì khen ngợi biểu dương đức chân thật, tương đương với ở đây là chúc mừng, an ủi hữu tình siêng tu hạnh chân chính.

3) Đối với hữu tình, tánh nhuyến có lỗi, điều phục, đui đi, đây là giáo hóa, dẫn dắt hữu tình buông thả ở đây.

4) Đối với người ác có lỗi ngang bướng, dùng thần lực nhằm chế phục họ, thích hợp ở đây thị hiện hữu tình ngu si.

Trong tuệ thanh tịnh có năm cặp, mười thứ. Luận sư Cảnh nói “Nói về nghĩa chân thật có hai thứ Tuệ: Tánh tận sở hữu và Tánh như sở hữu, lấy nghĩa Chân thật. Đây là đối với nghĩa trong Chân như nói là hai.” Pháp sư Thái nói “Đối với Chân như có hai thứ tuệ: Biết tự tánh Chân như, gọi là Tánh tận sở hữu; biết môn Pháp giới sai khác của Thật tế Chân như, gọi là Tánh như sở hữu, nghĩa là như sai khác.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nếu tự tánh “duyên” Chân như một vị là tánh Như sở hữu; nếu mười sáu hạnh “duyên” Chân như sai khác là Tánh tận sở hữu, thì nhân là một, quả là một, lưu chuyển hai. Tuệ trôi lăn trong sinh, tử, so với chấp thường v.v... là một, chấp Vô thường v.v... không trái ngược là một, là chấp thọ hai. Hai trong rốt ráo, có khác gì với trái ngược?”

Nghĩa là “Luận sư kia chỉ y cứ ở bốn trái ngược, còn ở đây thì y cứ ở tất cả các “hoặc”. Luận sư Trắc nói “Như Quyết Trạch nói “Lại nữa, Tuệ Ba-la-mật đa có năm thanh tịnh:

- 1) Thông đạt tướng thanh tịnh
- 2) Thông đạt duyên Khởi thanh tịnh
- 3) Thông đạt giáo đạo thanh tịnh
- 4) Thông đạt Sĩ dụng thanh tịnh
- 5) Thông đạt chứng đắc thanh tịnh.

Như thứ lớp tức thích hợp với nghĩa năm cặp trong đây.

Trên đây, lợi mình có hai đoạn trước trong ba đoạn, đã nói xong.

“Lại nữa...” trở xuống, là thứ ba, tổng kết sáu thứ, dẫn chứng, khen pháp vượt hơn. Văn chia làm hai:

- 1) Dẫn Kinh chứng thành
- 2) Tên khác, kết khen.

Trong phần trước, lại có hai:

1) Nói về sáu Độ là thuyết do Đức Phật nói, để cho người khác chính thức sinh niềm tin.

2) “Lại, các Như lai...” trở xuống, là nói về sáu Độ này là pháp mà Đức Phật vốn đã tu tập trong nhân, để cho người khác ưa tu.

Trong phần trước lại có hai:

- 1) Dẫn thuyết chung.
- 2) Dẫn riêng chín môn của sáu Độ để nói.

“Lại nữa, sáu Độ như thế, cho đến “nên biết”, ngài Tam Tạng nói “Xét Kinh Thiện Giới, đầu tiên, có kinh “Tôi nghe như vậy khoảng ba trang.” Do đây, Đức Phật nói ba tạng xong, về sau, đều là Địa Trì, lại không có khác. Nghi rằng, ba trang đầu, người dịch vì không hiểu phương âm, nên dịch là Kinh. Thật ra, ba trang này chỉ là pháp do Bồ-tát Di-lặc nói. Rằng, nếu Phật nói giới thiện. Đây là Phật chuyên nói về sáu độ ở một chỗ trong thiện giới nói về Lục độ, không nên nói trong Du-già này. Sáu độ này nói rải rác khắp nơi. Thời kỳ sau ngài Di-lặc, được gồm thâu ở một chỗ.

Nói thu nhập, nhiếp thọ, nghĩa là ở chín môn này, thu nhập môn

nào, tùy theo nghĩa nhiếp thọ?

Kế là, nói về sáu Độ là pháp mà Phật vốn tu, trong đó có hai:

1) Nói chung về khổ hạnh, nương vào sáu Độ.

2) “Hoặc chỉ dựa vào hạnh thí cho...” trở xuống, là nói riêng về Khổ hạnh, nương tựa sự khác nhau.

Ý trong đây nói rằng “Thuở xưa, đức Như lai còn là Bồ-tát, đã thực hành Khổ hạnh, như Xả thân v.v... phải biết rằng, tất cả đều tương ứng với công hạnh bố thí. Bồ-tát vì nương tựa bố thí, nên thực hành Khổ hạnh. Đôi khi thị hiện chỉ thực hành một Độ, hoặc hai, ba cho đến năm, sáu Độ.”

“Với sáu thứ như thế...” trở xuống, là thứ hai, tên khác, kết khen.

Trong đó có ba:

1) Nói do tu làm ra.

2) “Biển v.v... bạch pháp lớn này làm rõ tên khác của sáu Độ.

Nói “là biển pháp bạch lớn, nghĩa là vì rất lớn trong tất cả pháp bạch, nên gọi là Đại bạch.”

Biển pháp, nghĩa là tất cả pháp bạch đều gồm thâu vào trong biển, không là sáu Độ này.

Ao, suối báu lớn: là nước suối áo phun lên, sinh ra công đức vô cùng tận.

3) “Lại, tức như thế...” trở xuống, nói về quả cân xứng với nhân.
